

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày 19-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hương,

Ông Hoàng Đàm Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nông Văn T;** tên gọi khác: không có; sinh ngày 19/02/1996 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nông Văn D, sinh năm 1962 và bà Nông Thị H, sinh năm 1964; có vợ Hoàng Thị H1, sinh năm 1997 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

2. **Ngôn Văn T1;** tên gọi khác: không có; sinh ngày 18/4/1979 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Ngôn Văn L (đã chết) và bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1955; có vợ Lý Thị M, sinh năm 1985 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1:

Bà Lý Thị N, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Hoàng Thị H1, sinh năm 1997, địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

+ Lý Thị M, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 05 giờ 00 phút ngày 24/11/2022 tại khu vực xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng, Tổ công tác Đội An ninh Công an huyện H và Công an xã Đ, huyện H đang làm nhiệm vụ, phát hiện bắt quả tang Ngôn Văn T1 điều khiển xe máy Honda Wawe, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 11K1-162.86 và Nông Văn T điều khiển xe máy Honda Vision, màu vàng nâu, biển kiểm soát 11K-162.51, mỗi xe chở theo sau 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép di chuyển từ hướng xã C, huyện T về xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng để giao cho người khác đến đón. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người cùng phương tiện về trụ sở Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, Nông Văn T và Ngôn Văn T1 khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 23/11/2022, Nông Văn T được một người quen ở Trung Quốc tên H2 liên lạc qua mạng xã hội W đặt vấn đề thuê đón 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và Việt Nam qua khu vực biên giới xã N, huyện T, đưa đến huyện H, tỉnh Cao Bằng giao cho đối tượng khác với tiền công là 5.000.000 đồng/người. T đồng ý, sau đó gọi điện thoại cho T1 rủ đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, thỏa thuận khi xong việc sẽ chia đôi tiền công. Khoảng 23 giờ cùng ngày, H2 gửi cho T 01 tài khoản Wechat tên “Hoang_Hoang” của người đón biên và bảo Trung liên lạc để thống nhất địa điểm đón người. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, T gọi điện cho T1 hẹn gặp nhau ở bản M, xã N Khoảng 02 giờ ngày 24/11/2022, người sử dụng tài khoản Wechat “Hoang_Hoang” liên lạc với T thống nhất địa điểm đón người ở ngã ba xóm P, xã N, huyện T nên T1 điều khiển xe máy Honda Wawe biển kiểm soát 11K1-162.86, T điều khiển xe máy Honda Vision biển kiểm soát 11K-162.51 đến địa điểm trên, chờ một lúc thì có 04 người đàn ông Trung Quốc tự đi đến vị trí xe của T và T1. Đón được người, T thông báo cho H2 biết và được H2 gửi cho tài khoản Wechat tên “T” để thống nhất địa điểm giao người. Khi liên lạc với “Thái Hoàng”, T được người này hướng dẫn di chuyển theo tuyến đường xã C, huyện T đến xã Đ, huyện H để

giao người, đồng thời có gửi cho T số điện thoại của người lái xe ô tô sẽ tới đón người. Sau đó, T và T1 mỗi người chở 02 người Trung Quốc đến điểm hẹn để giao cho xe ô tô nhưng khi di chuyển tới địa phận xóm N, xã Đ, huyện H thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Ngày 14/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Cáo trạng số: 23/CT-VKSCB-P1 truy tố Nông Văn T, Ngôn Văn T1 về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là đúng. Cả 02 bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả xe cho gia đình vì gia đình chỉ có 01 chiếc xe máy làm phương tiện sinh hoạt gia đình và đưa đón con đi học. Cả 02 bị cáo có đơn xin miễn án phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Hoàng Thị H1 trình bày: Bà và Nông Văn T có quan hệ là vợ chồng, chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu vàng nâu, biển kiểm soát 11K1 - 162.51 Cơ quan Công an tạm giữ đối với Nông Văn T, chiếc xe này do 02 vợ chồng mua từ đầu năm 2022 bằng nguồn tiền tích góp của vợ chồng để đưa con đi học và phục vụ sinh hoạt gia đình, việc Nông Văn T sử dụng chiếc xe trên để đưa đón người nhập cảnh trái phép bà không biết, bà H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe cho gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Lý Thị M trình bày: Bà và Ngôn Văn T1 có quan hệ là vợ chồng, chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc. Xe gắn biển kiểm soát: 11K1 - 162.86 Cơ quan Công an tạm giữ đối với Ngôn Văn T1, đăng ký xe mang tên Lý Thị M, chiếc xe máy này nguồn gốc xe do bà đi làm công nhân, tự bỏ tiền ra mua trả góp, chồng bà không có đóng góp gì; mục đích mua xe là để làm phương tiện cho bà đi làm, đây là phương tiện duy nhất trong gia đình; Việc Ngôn Văn T1 sử dụng chiếc xe trên để đưa đón người nhập cảnh trái phép bà không biết. Bà M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe máy trên.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã viện dẫn ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 phạm tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 24-30 tháng tù; Ngôn Văn T1 từ 18-24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

Đối với Nông Văn T: 01 (một) điện thoại IPHONE 12PROMAX màu xanh; ½ giá trị 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu vàng nâu. Xe gắn biển kiểm soát 11K1 - 162.51. Tình trạng xe đã cũ. Số khung: RLHJF5839LZ535052. Số máy: JF86E5269615. Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát của thực tế của xe trùng khớp Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/12/2022.

Đối với Ngôn Văn T1: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại của Ngôn Văn T1: nhãn hiệu OPPO A93”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01 (một) điện thoại REDMI 9CB màu xanh của Nông Văn T.

Điện thoại của Nông Văn T được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 điện thoại của Nông Văn T: 01 điện thoại IPHONE 12PROMAX màu xanh; 01 điện thoại REDMI 9CB màu xanh”. Mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C.

- Trả lại cho bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1997, địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng ½ giá trị 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu vàng nâu. Xe gắn biển kiểm soát 11K1 - 162.51. Tình trạng xe đã cũ.

- Trả lại cho bà Lý Thị M, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc. Xe gắn biển kiểm soát: 11K1 - 162.86. Tình trạng xe đã cũ.

Về án phí: Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý trình bày luận cứ bào chữa cho 02 bị cáo: Nhất trí với cáo trạng truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với 02 bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ, hành vi phạm tội: Hoàn cảnh gia đình khó khăn bị cáo T là hộ nghèo, bị cáo T1 là hộ cận nghèo; các bị cáo là lao động chính trong gia đình, không có việc làm ổn định;

các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực biên giới có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; nhận thức pháp luật hạn chế, các bị cáo phạm tội một phần do chưa nhận thức đầy đủ mức độ nguy hại của việc tổ chức cho người nhập cảnh trái phép và vụ lợi cá nhân. Cả 2 bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; các bị cáo có bố mẹ có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về 02 chiếc xe máy bị tạm giữ, đề nghị trả xe máy cho bà Hoàng Thị H1, Lý Thị M. Về án phí: cả 02 bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326 về Án phí và công văn giải đáp của Tòa án nhân tối cao số 206 ngày 27/12/2022 đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 không trình bày lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hoàng Thị H1, bà Lý Thị M không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai của các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 05 giờ 10 phút ngày 24/11/2022 tại xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng, phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; phù hợp với lời khai của nhóm người nhập cảnh trái phép; phù hợp về thời gian, địa điểm đón đưa người nhập cảnh, số lượng người nhập cảnh trái phép, số tiền công được hứa trả cũng như động cơ mục đích thực hiện hành vi phạm tội; phù hợp với trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại thu giữ được đối với Nông Văn T, Ngôn Văn T1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ

sơ vụ án. Như vậy, có cơ sở xác định: Ngày 23/11/2022, Nông Văn T được một người tên H2 (người Trung Quốc, không rõ địa chỉ) thuê đón 04 người Trung Quốc nhập Cảnh trái phép từ ngã ba xóm P, xã N, huyện T đưa đến huyện H, tỉnh Cao Bằng để giao cho một người lái xe ô tô sẽ nhận được số tiền là 5.000.000 đồng/người. T đã rủ Ngôn Văn T1 cùng thực hiện việc đưa đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, thống nhất sau khi xong việc sẽ chia đôi tiền công. Khoảng 02 giờ ngày 24/11/2022, T và T1 điều khiển xe máy đến ngã ba P, xã N, huyện T đón được 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, sau đó mỗi người chở 02 người Trung Quốc di chuyển theo tuyến đường xã C, huyện T để đến điểm hẹn giao người. Nhưng khi di chuyển tới địa phận xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn nên cả hai đều chưa nhận được tiền công.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, xâm phạm an ninh biên giới, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón và đưa người từ biên giới giúp họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để nhận tiền công.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép của các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nông Văn T được người Trung Quốc tên H2 liên lạc, đặt vấn đề nhờ T đón 04 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và hứa hẹn trả tiền công; bị cáo Ngôn Văn T1 được Nông Văn Trung liên l qua điện thoại rủ đi đón người nhập cảnh trái phép và hứa trả tiền công, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo sự hướng dẫn của T, điều khiển xe máy đón công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do không có thu nhập, việc làm ổn định; ý thức pháp luật của các bị cáo còn kém, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với 02 bị cáo: không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội khó khăn, bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình thuộc hộ nghèo và cận nghèo; ngoài ra các bị cáo có bố, mẹ là người có công với cách mạng; cụ thể: bị cáo Nông Văn T có bố là Nông Văn D và mẹ là Nông Thị H tham gia dân công hỏa tuyến được Bộ Q thực hiện chế độ trợ cấp một lần, bị cáo Ngôn Văn T1 có mẹ đẻ là Hoàng Thị D1 tham gia dân công hỏa tuyến được Bộ Q thực hiện chế độ trợ cấp một lần, nên cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ theo quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*.

Hội đồng xét xử thấy các bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội thì tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước, các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc. Xe gắn biển kiểm soát: 11K1 - 162.86, đăng ký xe mang tên Lý Thị M, bị cáo Ngôn Văn T1 không có nghề nghiệp, chỉ làm công việc trồng trọt, thu nhập không ổn định, không có đóng góp trong việc mua xe, nguồn gốc xe do Lý Thị M đi làm công nhân, tự bỏ tiền ra mua trả góp mục đích mua xe để bà M làm phương tiện đi làm và phục vụ cho việc sinh hoạt gia đình, đây là phương tiện duy nhất trong gia đình nên cần trả lại cho bà Lý Thị M.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu vàng nâu. Xe gắn biển kiểm soát 11K1 - 162.51, đăng ký xe mang tên Nông Văn T, xe thuộc sở hữu chung vợ chồng, mua xe để phục vụ sinh hoạt gia đình, bị cáo Nông Văn T

mang xe đi chở người nhập cảnh trái phép thì vợ bị cáo không biết nên cần tịch thu phát mại ½ giá trị và trả lại ½ giá trị chiếc xe cho vợ bị cáo.

[7] Về án phí: Xét đơn xin miễn án phí của 02 bị cáo và đề nghị của Người bào chữa cho 02 bị cáo được miễn án phí hình sự theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 về Án phí và công văn giải đáp của Tòa án nhân tối cao số 206 ngày 27/12/2022 là có căn cứ chấp nhận, xử cả 02 bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 phạm tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Văn T**: 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 24/11/2022.

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Ngôn Văn T1**: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 24/11/2022.

3. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

Đối với Nông Văn T:

+ 01 (một) điện thoại IPHONE 12PROMAX màu xanh.

+ ½ giá trị xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu vàng nâu. Xe gắn biển kiểm soát 11K1 - 162.51. Tình trạng xe đã cũ. Số khung: RLHJF5839LZ535052. Số máy: JF86E5269615. Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát của thực tế của xe trùng khớp Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/12/2022.

Đối với Ngôn Văn T1: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại của Ngôn Văn T1: nhãn hiệu OPPO A93”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C.

- Trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tài sản:

Đối với Nông Văn T: 01 (một) điện thoại REDMI 9CB màu xanh của Nông Văn T. Điện thoại của Nông Văn T được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 điện thoại của Nông Văn T: 01 điện thoại IPHONE 12PROMAX màu xanh; 01 điện thoại REDMI 9CB màu xanh”. Mặt

sau có chữ ký các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1997, địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng ½ giá trị xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu vàng nâu. Xe gắn gắn biển kiểm soát 11K1 - 162.51. Tình trạng xe đã cũ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc. Xe gắn biển kiểm soát: 11K1 - 162.86. Tình trạng xe đã cũ. Số khung: RLHJA3926NY102709. Số máy: JA39E2599654. Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát của thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/12/2022.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 87 ngày 05 tháng 4 năm 2023.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.

Các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Các bị cáo Nông Văn T, Ngôn Văn T1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị H1, Lý Thị M có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nông Biên Hòa

